

## CÁC ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

- ❖ Bảo hiểm du lịch tối đa 180 ngày.
- ❖ Không có mức khấu trừ cho tất cả quyền lợi bảo hiểm (ngoại trừ Quyền lợi Bảo hiểm xe ô tô thuê).
- ❖ Bảo hiểm cho các môn thể thao mùa đông, đi bè, nhảy bungee và các môn thể thao dưới nước khác mà không phải thêm phí bảo hiểm bổ sung.
- ❖ Các dịch vụ trợ giúp như giúp đỡ về mặt pháp lý, làm lại chứng từ du lịch bị mất, v.v. luôn thường trực 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần.
- ❖ Bảo hiểm miễn phí cho trẻ em nếu cả cha và mẹ đều cùng có tên trong một đơn bảo hiểm du lịch.

## NHỮNG ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH

- ❖ Tự tử, gây thương tích, sinh đẻ, sảy thai, chữa răng (trừ trường hợp cần thiết do thương tích vì tai nạn gây ra cho răng tự nhiên và khỏe mạnh), rối loạn thần kinh và tâm thần, mất trí, nghiện rượu hoặc ma túy, tự đặt mình vào sự nguy hiểm không cần thiết, bệnh hoa liễu, bệnh AIDS hoặc các phức hợp liên quan đến AIDS.
- ❖ Bất kỳ bệnh tổn tại trước hoặc bệnh bị loại trừ.
- ❖ Bất kỳ môn thể thao chuyên nghiệp, các cuộc đua và thi đấu dưới mọi hình thức, nhảy dù biểu diễn, leo đá hoặc leo núi có sử dụng dây thừng hoặc các thiết bị khác, điều lượn hoặc nhảy dù.
- ❖ Mọi sự tổn thất mà không trình báo với cảnh sát địa phương trong vòng 24 giờ, và/hoặc nhà vận chuyển ngay khi xảy ra sự cố.
- ❖ Không cung cấp bằng chứng cho những chi phí/tổn thất có liên quan.
- ❖ Mòn, rách, bể vỡ hoặc hư hỏng đối với vật dễ vỡ.
- ❖ Trách nhiệm pháp lý do việc sử dụng xe có động cơ, phương tiện đi lại trên không, phương tiện đi lại dưới nước, hành động ác ý, có chủ tâm hoặc phi pháp, bất kỳ chi phí nào phát sinh từ vụ kiện hình sự.
- ❖ Lái xe trong tình trạng say rượu hoặc dưới ảnh hưởng của ma túy hoặc thuốc ngủ.
- ❖ Cố ý làm mất hoặc hư hại, sử dụng xe ô tô thuê vi phạm hợp đồng thuê xe.
- ❖ Trách nhiệm pháp lý hay tổn thất tài sản cho dù Người được bảo hiểm có chịu trách nhiệm theo hợp đồng thuê xe hay không.

## THỦ TỤC KHIẾU NẠI BỒI THƯỜNG

Đơn khiếu nại bồi thường hoàn chỉnh đầy đủ phải được nộp cho Pacific Cross Việt Nam trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng bảo hiểm cùng với giấy tờ như các báo cáo của bệnh viện, bác sĩ, cảnh sát, hãng hàng không hoặc cơ quan có trách nhiệm khác.

## ĐƯỜNG DÂY NÓNG TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Dù ở bất cứ nơi đâu trên thế giới và bất cứ khi nào, nếu cần sự trợ giúp khẩn cấp hoặc khách hàng có thắc mắc cần được giải đáp thì hãy liên hệ số **(+84 28) 3821 6699**. Đối với chi phí y tế trên 50.000.000 VND thì việc yêu cầu cấp phép về viện phí là quy định. Khi gọi điện thoại, vui lòng cho biết họ tên của Người được bảo hiểm, số Chứng nhận bảo hiểm, tính chất của sự việc cùng với tên và số điện thoại của người liên hệ.

## VỀ CHÚNG TÔI

Công ty Pacific Cross Việt Nam là một Nhà quản lý Bảo hiểm Y tế đã được cấp giấy phép tại Việt Nam và thuộc tập đoàn quốc tế đa công ty với hơn 60 năm kinh nghiệm. Chúng tôi là chi nhánh của Công ty Pacific Cross ở Phi-líp-pin và thuộc tập đoàn Pacific Cross. Và chúng tôi chuyên quản lý cũng như thiết kế nhiều loại hình bảo hiểm du lịch và y tế. Hệ thống chỉ trả yêu cầu bồi thường hiện đại, nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, cộng nhiều năm kinh nghiệm ở châu Á giúp chúng tôi phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp.

Kể từ 2004 đến nay, chúng tôi đã phục vụ cho hơn 10.000 khách du lịch mỗi năm. Với kỹ năng chuyên nghiệp của nhà quản lý cùng với sự trợ giúp của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty Bảo hiểm Pacific Cross, khách hàng của Pacific Cross Việt Nam được cung cấp sản phẩm bảo hiểm du lịch toàn diện và cạnh tranh. Chúng tôi thiết kế và đưa ra sản phẩm bảo hiểm cho từng nhu cầu khác nhau của khách hàng trong những chuyến đi ngắn ngày, dài ngày, cho những khách hàng du lịch thường xuyên, bảo hiểm cho mọi rủi ro hay bảo hiểm cho từng quyền lợi riêng biệt theo sự lựa chọn của khách hàng.

**Pacific Cross Việt Nam - Sức mạnh giúp bạn vững tin cùng bảo hiểm.**

### LIÊN HỆ ĐẾN PACIFIC CROSS VIỆT NAM

#### Thành Phố Hồ Chí Minh

Lầu 6 | Tòa nhà VNPT

1487 Nguyễn Văn Linh | Quận 7

Tel: (+84 28) 7306 9669

Email: inquiry@pacificcross.com.vn

#### Hà Nội

Lầu 19 | Tòa nhà VCCI | 9 Đào Duy Anh | Quận Đống Đa

Tel: (+84 24) 7308 6699

*Tờ thông tin này không phải là hợp đồng. Để biết chính xác và đầy đủ các chi tiết của bảo hiểm, các điều khoản, điều kiện và loại trừ của hợp đồng bảo hiểm, xin vui lòng xem trong hợp đồng bảo hiểm được cấp.*



*Sản phẩm này được cung cấp bởi Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và được quản lý bởi Pacific Cross Việt Nam.*



*Sức mạnh giúp bạn vững tin cùng bảo hiểm*

## BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ

# TRAVEL FLEX



Hãy Scan "nh

## QUYỀN LỢI CƠ BẢN

| GIỚI HẠN (VND) |               |               |
|----------------|---------------|---------------|
| Hạng A         | Hạng B        | Hạng C        |
| 2.000.000.000  | 1.500.000.000 | 1.000.000.000 |

| I. CHI PHÍ Y TẾ VÀ TRỢ GIÚP KHẨN CẤP   |   |             |             |
|--|---|-------------|-------------|
| <b>Chi phí y tế:</b> Viện phí, phí phẫu thuật, xe cấp cứu, thuốc và các xét nghiệm tối đa là   | 6.000.000 VND/ngày, nếu tiền phòng bao gồm các chi phí cho tất cả các dịch vụ chuyên môn thì tối đa là 20.000.000 VND/ngày. |             |             |
| <b>Chăm sóc tiếp theo:</b> Chi phí y tế hợp lý phát sinh ngay sau khi xuất viện trong vòng 90 ngày kể từ khi trở về nước.  | 130.000.000   | 130.000.000 | 130.000.000 |
| <b>Sơ tán khẩn cấp:</b> Sơ tán khẩn cấp đến cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp việc chăm sóc y tế phù hợp.   | Không giới hạn  |             |             |
| <b>Hồi hương:</b> Hồi hương về nước xuất phát khi Công ty và bác sĩ điều trị quyết định là cần thiết.  | Không giới hạn  |             |             |
| <b>Bảo lãnh viện phí:</b> Bảo lãnh khi   | các chi phí điều trị ở bệnh viện vượt quá 50.000.000 VND  |             |             |
| <b>Trợ cấp nằm viện:</b> 1.000.000 VND/ngày khi Người được bảo hiểm nằm viện trên 24 giờ do bệnh tật được bảo hiểm.  | 20.000.000  | 15.000.000  | 10.000.000  |
| <b>Chi phí bổ sung cho việc đi lại và chỗ ở:</b> Các chi phí đi lại bổ sung để Người được bảo hiểm trở về nước xuất phát và các chi phí bổ sung về chỗ ở cho Người được bảo hiểm hoặc một người thân gia đình trực hệ hay một người bạn đồng hành cùng được bảo hiểm khi các chi phí do phát sinh từ việc nằm viện của Người được bảo hiểm do bệnh tật được bảo hiểm cần phải có sự điều trị y tế. | 100.000.000   | 70.000.000  | 40.000.000  |
| <b>Thăm viếng của người thân trong gia đình:</b> Các chi phí đi lại cho 1 người thân gia đình trực hệ sang chăm sóc cho Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm nằm viện trên 5 ngày hoặc bị tử vong ở nước ngoài.   | 100.000.000   | 70.000.000  | 40.000.000  |
| <b>Đưa trẻ em trở về nước:</b> Các chi phí bổ sung hợp lý về chỗ ở và đi lại để giúp trẻ em được bảo hiểm (dưới 16 tuổi) không người chăm sóc trở về nước xuất phát.   | 100.000.000   | 70.000.000  | 40.000.000  |
| <b>Hồi hương thi hài:</b> Các chi phí vận chuyển để hồi hương thi hài về nước xuất phát.   | 60.000.000  | 40.000.000  | 20.000.000  |
| <b>Các dịch vụ thông tin trợ giúp:</b> Tất cả các dịch vụ thông tin trợ giúp như giúp đỡ về pháp lý, thông dịch viên, làm lại các giấy tờ du lịch hoặc vé máy bay bị mất, v.v....  | Đã bao gồm  |             |             |

| II. TAI NẠN CÁ NHÂN  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| Tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn do tai nạn bao gồm mất một hoặc nhiều chi, mất thị lực một hoặc cả hai mắt. Mức bồi thường tối đa cho trẻ em dưới 18 tuổi là 400.000.000 VND. Khách hàng lựa chọn Số tiền bảo hiểm 400.000.000 VND; 1.000.000.000 VND; 2.000.000.000 VND; hoặc 5.000.000.000 VND |  |  |  |

## QUYỀN LỢI LỰA CHỌN

| III. BẢO HIỂM SỰ CỐ BẤT NGỜ: Bảo hiểm cho những sự cố bất ngờ xảy ra trong chuyến du lịch.   |               |               |             |
|--|---------------|---------------|-------------|
| <b>Hành lý và đồ dùng cá nhân:</b> Hành lý hoặc đồ dùng cá nhân của Người được bảo hiểm bị mất hoặc hư hại mà nguyên nhân trực tiếp là do tai nạn, trộm cắp, cướp hoặc do việc xử lý sai của nhà vận chuyển. Mức bồi thường tối đa là 5.000.000 VND/vật dụng và 10.000.000 VND/đôi hoặc bộ. Mức bồi thường tối đa cho máy tính xách tay bị mất là 10.000.000 VND   | 30.000.000    | 16.000.000    | 10.000.000  |
| <b>Hành lý đến chậm:</b> Khi hành lý đã qua kiểm tra bị đến chậm ít nhất 6 tiếng kể từ khi đến nơi đến nước ngoài và Người được bảo hiểm phải mua những vật dụng vệ sinh cá nhân và quần áo thiết yếu. Mức bồi thường tối đa là 1.300.000 VND/món đồ.  | 5.000.000     | 2.500.000     | 1.300.000   |
| <b>Mất giấy tờ du lịch:</b> Chi phí xin cấp lại hộ chiếu, vé máy bay; chi phí đi lại và chỗ ở cho việc xin cấp lại các giấy tờ đó do bị trộm cắp, cướp hoặc tai nạn. Mức bồi thường tối đa mỗi ngày cho các chi phí đi lại và chỗ ở là 4.000.000 VND cho Hạng A và Hạng cao cấp; 3.000.000 VND cho Hạng B và Hạng phổ thông; 2.000.000 VND cho Hạng C.   | 40.000.000    | 30.000.000    | 20.000.000  |
| <b>Tiền cá nhân:</b> Mất tiền mặt, ngân phiếu và séc du lịch do bị trộm cắp hoặc cướp.   | 8.000.000     | 5.200.000     | 2.600.000   |
| <b>Chuyến đi bị trì hoãn:</b><br>a) Chi phí đi lại bổ sung - Các chi phí vận chuyển cần thiết phát sinh như là hậu quả trực tiếp của chuyến đi bị trì hoãn do điều kiện thời tiết xấu, bãi công, không tặc, trục trặc máy móc chi trong trường hợp Người được bảo hiểm phải chuyển hướng hành trình do việc hủy chỗ đã được xác nhận trước đó.<br>b) Trợ cấp tiền mặt - Nếu Người được bảo hiểm không phải trả chi phí đi lại bổ sung trong trường hợp chuyến đi bị trì hoãn, thì Người được bảo hiểm sẽ được nhận 500,000 VND cho mỗi 6 tiếng bị trễ.   | 16.000.000    | 10.000.000    | 6.000.000   |
| <b>Rút ngắn chuyến đi hoặc Hủy bỏ chuyến đi:</b> Bồi thường những khoản đặt cọc cho việc sắp xếp chuyến đi đã trả trước nhưng không được hoàn lại hoặc chi phí đi lại tăng thêm trong trường hợp Người được bảo hiểm, Người thân gia đình trực hệ, Công sự làm ăn thân thiết, hoặc người bạn đồng hành của Người được bảo hiểm bị tử vong, bị Thương tích nghiêm trọng hoặc Ốm đau nặng; Người được bảo hiểm được mời làm chứng, làm thành viên trong bồi thẩm đoàn hoặc bị kiểm dịch bắt buộc; thiên tai tại nơi đến định theo kế hoạch hoặc nơi cư trú chính của Người được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn. | 130.000.000   | 90.000.000    | 70.000.000  |
| <b>Trách nhiệm cá nhân:</b> Bồi thường trách nhiệm pháp lý đối với bên thứ ba khi họ bị thương tích do tai nạn hay tài sản bị mất mát hoặc hư hại trong Thời gian bảo hiểm. (Quyền lợi này không áp dụng cho việc sử dụng hoặc thuê mướn các loại xe có động cơ)   | 2.000.000.000 | 1.300.000.000 | 700.000.000 |
| <b>Trở về nước đột xuất:</b> Người được bảo hiểm có thể trở về nước xuất phát vì lý do đột xuất trong thời gian tối đa 14 ngày liên tục cho mỗi lần với điều kiện là Thời gian bảo hiểm tối thiểu phải là 31 ngày  | Đã bao gồm    |               |             |
| <b>Bồi hoàn mức miễn thường bảo hiểm cho xe ô tô thuê:</b> Bồi hoàn mức miễn thường mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm phải trả cho tổn thất hoặc hư hại do tai nạn đối với xe ô tô thuê.   | 10.000.000    | 6.000.000     | 4.000.000   |

| IV. BẢO HIỂM XE Ô TÔ THUÊ lên đến 500.000.000 VND (dành cho người từ 23 đến 75 tuổi)  |  |  |  |
|---|--|--|--|
| Xe ô tô thuê bị mất hoặc hư hại do nguyên nhân trực tiếp là cháy, trộm cắp, va đụng hoặc bị phá hoại. Mức miễn thường là 5.000.000 VND. |  |  |  |

## PHÍ BẢO HIỂM (ĐƠN VỊ TÍNH: 1.000 VND)

| Thời gian du lịch (ngày)         |               | 1 - 5        | 6 - 8        | 9 - 11 | 12 - 15 | 16 - 24 | 25 - 31 | Mỗi 7 ngày tiếp theo* |     |     |
|----------------------------------|---------------|--------------|--------------|--------|---------|---------|---------|-----------------------|-----|-----|
| CHIPHÍ Y TẾ VÀ TRỢ GIÚP KHẨN CẤP | Đông Nam Á    | Hạng A       | Cá nhân 100  | 140    | 160     | 180     | 220     | 260                   | 80  |     |
|                                  |               |              | Gia đình 200 | 280    | 320     | 360     | 440     | 520                   | 160 |     |
|                                  |               | Hạng B       | Cá nhân 80   | 100    | 120     | 140     | 160     | 180                   | 60  |     |
|                                  |               |              | Gia đình 160 | 200    | 240     | 280     | 320     | 360                   | 120 |     |
|                                  |               | Hạng C       | Cá nhân 60   | 80     | 100     | 120     | 140     | 160                   | 60  |     |
|                                  |               |              | Gia đình 120 | 160    | 200     | 240     | 280     | 320                   | 120 |     |
|                                  | Châu Á        | Hạng A       | Cá nhân 180  | 260    | 300     | 320     | 360     | 460                   | 120 |     |
|                                  |               |              | Gia đình 360 | 520    | 600     | 640     | 720     | 920                   | 240 |     |
|                                  |               | Hạng B       | Cá nhân 140  | 180    | 220     | 240     | 260     | 300                   | 100 |     |
|                                  |               |              | Gia đình 280 | 360    | 440     | 480     | 520     | 600                   | 200 |     |
|                                  |               | Hạng C       | Cá nhân 120  | 160    | 180     | 200     | 220     | 240                   | 80  |     |
|                                  |               |              | Gia đình 240 | 320    | 360     | 400     | 440     | 480                   | 160 |     |
| Toàn Cầu                         | Hạng A        | Cá nhân 220  | 300          | 360    | 400     | 460     | 580     | 140                   |     |     |
|                                  |               | Gia đình 440 | 600          | 720    | 800     | 920     | 1.160   | 280                   |     |     |
|                                  | Hạng B        | Cá nhân 180  | 240          | 280    | 300     | 340     | 400     | 100                   |     |     |
|                                  |               | Gia đình 360 | 480          | 560    | 600     | 680     | 800     | 200                   |     |     |
|                                  | Hạng C        | Cá nhân 160  | 200          | 240    | 260     | 280     | 300     | 80                    |     |     |
|                                  |               | Gia đình 320 | 400          | 480    | 520     | 560     | 600     | 160                   |     |     |
| TAI NẠN CÁ NHÂN                  | 400,000       | Cá nhân      | 44           | 60     | 68      | 72      | 82      | 92                    | 20  |     |
|                                  |               | Gia đình     | 88           | 120    | 136     | 144     | 164     | 184                   | 40  |     |
|                                  | 1,000,000     | Cá nhân      | 84           | 112    | 126     | 136     | 156     | 172                   | 34  |     |
|                                  |               | Gia đình     | 168          | 224    | 252     | 272     | 312     | 344                   | 68  |     |
|                                  | 2,000,000     | Cá nhân      | 154          | 208    | 234     | 254     | 292     | 320                   | 64  |     |
|                                  |               | Gia đình     | 308          | 416    | 468     | 508     | 584     | 640                   | 128 |     |
|                                  | 5,000,000     | Cá nhân      | 330          | 444    | 500     | 540     | 620     | 680                   | 136 |     |
|                                  |               | Gia đình     | 660          | 888    | 1.000   | 1.080   | 1.240   | 1.360                 | 272 |     |
|                                  | SỰ CỐ BẤT NGỜ | Hạng A       | Cá nhân      | 100    | 160     | 180     | 200     | 220                   | 280 | 60  |
|                                  |               |              | Gia đình     | 200    | 320     | 360     | 400     | 440                   | 560 | 120 |
|                                  |               | Hạng B       | Cá nhân      | 80     | 120     | 140     | 160     | 180                   | 200 | 40  |
|                                  |               |              | Gia đình     | 160    | 240     | 280     | 320     | 360                   | 400 | 80  |
| Hạng C                           |               | Cá nhân      | 60           | 80     | 100     | 120     | 140     | 160                   | 40  |     |
|                                  |               | Gia đình     | 120          | 160    | 200     | 240     | 280     | 320                   | 80  |     |
| BẢO HIỂM XE Ô TÔ THUÊ            |               | 100 mỗi ngày |              |        |         |         |         |                       |     |     |

\* Tối đa 180 ngày

**KHU VỰC BẢO HIỂM**  
**Đông Nam Á:** Mã Lai, In-đô-nê-sia, Thái Lan, Sin-ga-po, Phi-lip-pin, My-an-ma, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Bru-nây.  
**Châu Á:** Đông Nam Á, Trung Quốc, Hồng Kông, Ma cao, Đài Loan, Hàn Quốc, Úc, Tân Tây Lan, Nhật Bản, Ấn Độ, Sri Lanka, Mông Cổ.  
**Toàn Cầu:** Đông Nam Á, Châu Á và các nước còn lại trên thế giới.



**5 Ngày**  
Tối Đa  
Tự động gia hạn



**24 Giờ**  
Thông Tin Trợ Giúp



**6 Tuần tuổi**  
Tối Thiểu



**75 TUỔI**  
Tối Đa

ĐẶC BIỆT

GIỚI HẠN TUỔI

Trẻ em dưới 7 tuổi phải đi cùng với một người lớn có mua cùng một Hợp Đồng Bảo Hiểm